| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8 – CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

Bản án số: 117/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 12 – 2025
*Về việc Ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Võ Thị Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

2. Ông Lâm Minh Phụng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Ngô Thị Tiểu Loan, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2025, về việc "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tuyết H, sinh ngày 10/10/1971.

Địa chỉ: Số A, L phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn:* Anh Đinh Xuân T, sinh ngày 01/01/1969.

Địa chỉ: ấp B, xã N, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2025 cũng như tại đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn Trần Thị Tyết H1 trình bày:*

Chị Trần Thị Tuyết H và anh Đinh Xuân T kết hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường I, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T,

thành phố Hồ Chí Minh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/6/1996. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 (một) con chung Đinh Minh H2 (nam) sinh ngày 16/7/1998. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính cách nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn hạnh phúc nên không sống chung từ năm 2015 đến nay.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết H yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Xuân T.

- Về con chung: Con chung tên Đinh Minh H2 (nam) sinh ngày 16/7/1998 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Tuyết H khẳng định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do chị H giao nộp là bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của chị Trần Thị Tuyết H và anh Đinh Xuân T; bản sao căn cước công dân của chị Trần Thị Tuyết H; bản sao Giấy khai sinh của Đinh Minh H2.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Đinh Xuân T trình bày*: Anh Đinh Xuân T và chị Trần Thị Tuyết H chung sống, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường I, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/6/1996. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 (một) con chung Đinh Minh H2 (nam) sinh ngày 16/7/1998..

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát hiện cả hai không đồng quan điểm, không hợp tính tình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc nữa nên không sống chung từ năm 2015 đến nay.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Xuân T đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Tuyết H.

- Về con chung: Con chung tên Đinh Minh H2 (nam) sinh ngày 16/7/1998 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đinh Xuân T khẳng định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Tuyết H khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Đinh Xuân T. Yêu cầu của chị H được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân, Giấy khai sinh của con chung là Đinh Minh H2 cũng như lời trình bày của các bên đương sự; đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị H và anh T về việc kết hôn được Ủy ban nhân dân phường I, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/6/1996 và vợ chồng đã có 01 (một) con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị H và anh T đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay chị H và anh T đã không còn lòng tin và tình yêu thương lẫn nhau; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, chị H và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án con chung là Đinh Minh H2 (nam) sinh ngày 16/7/1998 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Các đương sự tiếp tục khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

**Tuyên xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Tuyết H được ly hôn với anh Đinh Xuân T.

2. Về con chung: Con chung là Đinh Minh H2 (nam) sinh ngày 16/7/1998 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự cùng khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Tuyết H phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006957 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Anh Đinh Xuân T có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; chị Trần Thị Tuyết H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

*Nơi nhận:*
- VKSND Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Tân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**VÕ THỊ HIẾU**